

SỐ 2128

BÀI TỰA ÂM NGHĨA NHẤT THIẾT KINH MỚI THU NHIẾP

Xử Sĩ Cố Tề Chi

Pháp Sư Tuệ Lâm, họ Bài, người nước Sơ-lặc, xưa vốn theo Nho thuật, tuổi đôi mươi đã xuất gia, thờ Tam Tạng Bất Không là m thầy, học thông kinh, luận; cũng rất tinh thông thế học. Cuối niên hiệu Kiến Trung, Sư soạn Âm Nghĩa Kinh, một trăm quyển, khoảng sáu muôn vạn lời, đầu tiên là bộ kinh Đại Bát-nhã, sau cùng là bộ Tiểu Thừa ký truyện. Ban đầu trong nước có Sa-môn Huyền Ứng và Sa-môn Thái Nguyên Quách Xứ Sĩ, đều viết âm giải thích, xem ra có rất nhiều thiếu sót và sơ lược. Có thượng nhân Huyền Sướng chùa Tây Minh, là người thừa kế các bậc tiền nhân, ngày đêm không biết mỏi mệt, chí tịnh trong sạch như sương thu, tâm đượm nhuần trong suốt như dòng nước lắng đọng. Ngài dốc lòng tìm kiếm di vật của người xưa để lại, vì trong kinh tạng chứa nhóm ý nghĩa sâu xa, khi tìm ra rồi, Ngài bèn đốt gỗ chiên đàn xông hương, dùng lụa đẹp thêu hoa lấy là m trang sức cho bộ kinh tạng. Ánh sáng phía trước có một không hai, tâm mắt kinh hải phước đức sinh ra là m lợi ích rộng lớn, truyền bá rộng rãi lợi ích muôn đời.

Tề Chi không sáng suốt, ý muốn xem vào kinh tạng, bèn thưa hỏi với Hòa-thượng Sướng Công và được Hòa-thượng chỉ dạy âm nghĩa. Tề Chi cho rằng văn chữ có Âm, Nghĩa. Giống như người đi lạc đường tìm được đường. Thấp đèn trí tuệ mà xua tan bóng tối. Thế nhưng trí hiểu biết còn tiềm ẩn mặc nhiên chưa sáng tỏ. Bởi thế xem xét lại nơi thanh loại của tạng kinh, mà nói về âm. Có những âm như là Âm phát ra từ cổ họng, âm hàm ếch, âm răng, âm môi, âm bậc môi, v.v... đều phải

xem xét kỹ nơi thanh loại, âm có cung thương, có âm cứng, có âm nhẹ, đưa lên và thanh bằng, thanh trắc, v.v... Khi hiểu ra được rồi thì từng lớp từng lớp nhẹ nhàng, khinh an. Ngoài ra còn phải xem xét thanh trong và thanh đục, mà bốn thanh chuyển đổi phát ra thành năm âm thanh, thay đổi nhau mà dùng. Giữa hai âm thanh trùng điệp với nhau, vận âm tuần tự ngược lại và che lấp lên, như khinh thanh (thanh nhẹ) cùng nhau mà đầu và cuối tham dự vào có kém đối chút nhưng không mất, mà nghĩa lý vẫn hiển nhiên sáng tỏ. Hiểu được âm như vậy thì nghĩa mới thông suốt, nghĩa thông suốt thì lý mới viên dung, lý viên dung thì vẫn không chấp mắc, vẫn không chấp mắc ngàn kinh muôn luận cũng giống như đầu các ngón tay nắm lại mà thôi. Sớm là phạm phu chiều là bậc thánh. Khởi đầu là giả sau là chân kết thúc trong một ngày, cho nên không lìa vẫn tự mà được giải thoát. Mà trí vô sư dỗi dào nơi nguồn tâm, tháo bỏ áo giáp nghi ngờ chấp mắc trong lòng, thì bỗng nhiên ánh sáng trí tuệ chợt đến, trừ bỏ đi tối tăm mê mờ. Đây là chân giải thích tực đế, bởi vậy phải từng phần phân ra. Tiếng Phạm đời Đường nói từ từ tự suy nghĩ mà được sáng tỏ. Lại nữa âm điệu tuy có Nam, có Bắc, nhưng nghĩa lý không khác nhau. Người nước Tần phát âm khứ thanh cũng giống như thượng thanh. Người nước Ngô phát âm, thượng thanh cũng giống như khứ thanh, cho nên giữa âm mất là phát ra nhẹ, giạt lại nơi thượng điệu thành ra nặng mà đục; phần ít là sai lầm như cá lội trong nước, phần nhiều sai lầm truyền ra giống như giọng khàn khàn ôn ột như con lợn. Những đến như bốn mươi hai chữ cái và mười hai chữ âm, đều sanh ra ra từ tâm của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na ; như vậy những dấu vết của chim bay không thể nào đuổi theo kịp. Tuy nhiên, từ nguồn lưu xuất có khác, nhưng âm nghĩa không khác. Mở ra cho thấy rằng: nhỏ như hạt cát ở trong sa mạc, hoặc được tôi luyện từ kinh loại mà thành vật dụng; thì cũng từ lý mà chứng tánh, khi đắc được lý tánh rồi, nói rằng có thể trừ bỏ đi, cho rằng có thể trừ bỏ đi mà vẫn tự cũng quên luôn, đồng trở về với nhất chân, thì tất cả dấu vết đều trừ bỏ. Thượng tọa Minh Tú trụ trì chùa Khế Nguyên, Tỳ-kheo Huyền Trắc là m Đô-duy-na đều tinh thông chân thừa hộ trì thánh điển, văn hoa trau dồi như ngọc sáng lấp lánh, kinh luận dỗi dào hoằng khắp đầy đủ, hoặc đạo tình sâu xa, duy trì được hạt châu quý báu, hoặc kinh luật hạnh trí thanh cao, nêu cao giữ giới sáng như mặt trăng. Trên là ý hài lòng của các bậc hiền Thánh, dưới là nêu lên tâm cần khắc ghi thành khẩn, cho nên xin mạn phép trộm kính đề lời tựa.

Ngày 10, tháng 9, niên hiệu Khai Thành năm thứ 5

BÀI TỰA ÂM NGHĨA NHẤT THIẾT KINH.

(Thức Thái Thường tự, phụng Lễ Lang Cảnh phiên thuật).

Người xưa nói: Đức Khổng Tử lập giáo soạn mười Dục mà thông cả âm dương, Ngài Huyền Đế bàn luận kinh, giảng nói hai thiên mà sáng tỏ đạo đức. Nhưng đâu bằng bậc Năng Nhân ra đời một mình đến ở Ca Duy (Ca-tỳ-la-vệ), hội Ba thừa ở núi Linh Thứu, bốn lần xoay bánh xe pháp nơi vườn Nai, do đó có bán tự, mẫn tự, bày hoa xâu, hoa rải (Kinh). Vì hàng xuất gia mà từ phương Tây đến, giục ngựa trắng từ phương Đông qua. Thế mới biết, chẳng không, chẳng có, che lấp nẻo tà, tức sắc tức không, sáng rõ đường chánh. Bởi thế, mây chứa đầy nước tuệ, mở mịt phủ khắp cõi đời ngu; mưa tuôn đều giọt pháp, trải mênh mông thấm đến từng ngọn cỏ. Công ích như đây, không thể nói hết. Lớn lao thay! Giáo pháp của Đấng Giáo Hoàng Điều Ngự Sư. Như thế, viết trên lá bối biên tập thành các biển tạng. Sự kết tập bắt đầu từ tâm mong muốn của Âm Quang (Ca Diếp), văn nghĩa được trùng tuyên từ miệng Khánh Hỷ (A Nan) lưu truyền ở xứ này (Ấn Độ) hơn bảy trăm năm. Thậm chí văn tự hoặc khó học, ngoài ra còn có sai lầm, tìm trong sách vở không có ghi chép, chỗ thanh vận chưa nghe, hoặc là văn thể thế tục hóa không y cứ, hoặc còn tồn tại trong bốn tiếng Phạm. Cho nên không có âm nghĩa thật khó mà nghiên cứu. Bởi vậy muốn khiến được Minh sư mà chẳng mệt tìm, vừa mới nghe mà hiểu sâu tinh túy, thành tựu việc học mà chẳng mệt ở xách cặp, xin được lợi thêm mà chẳng dựa kẻ vén tay. Cho nên mười hai âm tuyên nói ở Niết-bàn áo điển, bốn mươi hai chữ ghi chép nơi Hoa Nghiêm chân kinh (mười hai âm là dịch từ thanh vận của chữ Phạm, xưa gọi là mười bốn âm là sai. Lại có ba mươi bốn chữ, gọi là tự mẫu (chữ cái) mỗi chữ dùng mười hai âm để dịch, bèn thành ra bốn trăm lẻ tám chữ, lại cùng nối nhau mà chuyển thành mười tám chương gọi là “Tất-đàm”. Như trong Tân Niết-bàn kinh Âm Nghĩa có nói rộng và rõ). Cho nên nói, không lừa văn tự mà được giải thoát.

Đến khi triều đình trong nước, đầu tiên có Sa-môn Huyền Ứng trí tuệ bẩm sinh, một mình hiểu biết Tiên Hiền, hiểu rõ ngôn ngữ khác biệt của Đường-Phạm, biết được chữ viết kỳ lạ xưa nay, nên soạn bộ Âm Nghĩa Nhất Thiết Kinh, gồm hai mươi lăm quyển có thể để lại cho đời sau, hiểu thật rõ ràng ý của Tiên Hiền kia, là m chiếc cầu nối đến bờ giác ngộ, là chìa khóa mở bước vào cửa pháp. Kế tiếp có Sa-môn Tuệ Uyển soạn Tân Dịch Hoa Nghiêm Âm Nghĩa, hai quyển, đều có ghi ở Khai Nguyên Thích Giáo Lục. Tuy nhiên, về sau người dịch kinh luận

đối với những chỗ trước đây chưa có âm, đến khi mang đọc giảng giải thì vẫn sai nghĩa trái chỗ có, chỗ không, mắc mưu khó khăn, lại còn ít học, hiểu hẹp, chẳng có chút thông suốt, phần nhiều nhận thức gượng gạo ít ai hiểu biết tận tường. Nếu kể sau mình vì sĩ diện biết cạn mà không hỏi, còn hạng ẩn giấu mình giỏi hiểu sâu lại không giải đáp, thì lời Thánh có trở ngại, há có thể nào không khởi tâm từ bi sao? Do đó, có Tuệ Lâm Pháp sư ở chùa Đại Hưng Thiện họ Bài, người nước Sơ Lặc, là đệ tử của Ngài Bất Không Tam Tạng, có trí tuệ rộng lớn; bên trong tinh thông mật giáo, vào cửa tổng trì, bên ngoài tham cứu các nhà, viết sách, soạn thảo, nghiên cứu văn tự tinh túy. Ngài rất tinh thông Thanh minh xứ Ấn-độ, cũng rất tinh thông Kỳ-Na âm vận, thấu nhận nơi Tiên Sư truyền dạy như rót nước vào bình, đây cũng là dòng suối mát để lại cho người hậu học. Xét kỹ lại, phiên dịch, viết văn, hồi ký, tham cứu của Ngài Tuệ Lâm là Thượng thủ (đứng đầu). Ngài chọn lựa kỹ các âm vận, văn tự của tiền bối để lại, rồi than thở rằng, người có bệnh mê hoặc (say sưa thích thú). Xem xét các kinh biên chép văn cổ, cho nên xưa nay phiên âm, phần nhiều dùng thanh loại gần giống mà nối liền giữa hai âm, ban đầu tự khắc phục, các nguyên âm, không có ý chỉ nhất định, cũng như cách phát âm của người nước Ngô và người nước Tần thì không nói. Vận trong và vận đục thật khó phát cho rõ ràng, cho đến như âm 武 vũ và âm 綿 miên là hai thanh, như âm 企 xí và âm 智 là hai vận âm trùng điệp, cho nên xét rõ thanh loại mà có chỗ không dùng. Gần đây có Nguyên Đình Kiên, Vận Anh và Trương Tấn khảo thanh thiết lập vận. Nay chỗ lấy dùng âm thì từ nơi này, đại lược là dùng Tự Thư của bảy nhà (Thất gia tự thư) để giải thích. “Thất thư 七書 là bảy loại sách : Ngọc Biên, Thuyết Văn, Tự Lâm, Tự Thống, Cổ Kim Chánh Tự, Văn Tự Điển Thuyết và Khai Nguyên Văn Tự Âm Nghĩa. Thất thư (七書) không bao gồm sách Bách Thị Hàm Thảo. Về sau các sách giải thích nói gồm cả Lục thư, ngũ hầu nhân đây mà biết được âm nghĩa kia, nghe một mà biết mười.

Hơn hai mươi năm, Sư luôn tìm kiếm điển tịch, dự thảo kinh luận, chăm chỉ không biết mỏi mệt, chỉnh sửa biên tập đến năm cuối niên hiệu Kiến Trung thì chế tác bản in, đến năm thứ hai niên hiệu Nguyên Hòa mới xong; gồm một trăm bộ, đủ để giải thích các kinh. Bắt đầu ở Đại Bát-nhã, cuối cùng ở Hộ Mạng Pháp, tổng cộng một ngàn ba trăm bộ, hơn năm ngàn bảy trăm quyển. Lấy âm nghĩa của hai nhà xưa hợp lại theo thứ tự. Nêu tên có khác (hai nhà xưa là Ngài Huyền Ứng và Ngài Tuệ Uyển, v.v...) rộng lớn như biển nuốt tất cả các dòng chảy nên

thành ra thâm sâu, sáng tỏ như gương chiếu soi các vật không biết mỏi mệt.

Ngày ba mươi tháng hai năm thứ mười hai niên hiệu Nguyên Hòa, ngừng bút tại chùa Tây Minh, xem xét lại văn chữ rất trôi chảy trau chuốt, chọn lựa từ rất khéo léo nét sắc xảo của bài văn, cho phép không thỉnh cầu sự chỉ giáo, tự hổ thẹn chưa thành vật dụng. Do đây xin khải bạch với các bậc tiền bối, trong các tạng quyển còn có rất nhiều thiếu sót, sai lầm, tài mọn còn hèn, công chưa đầy đủ. Phụng vâng kính đề, cầu được các bậc thâm uyên chỉ giáo.

NHẤT THIẾT ÂM NGHĨA KINH

QUYỂN 1

Nhà phiên dịch kinh: Sa môn Tuệ Lâm soạn âm

“Bài tựa Tam Tạng Thánh giáo và kinh Đại Bát-nhã năm mươi mốt quyển”.

BÀI TỰA ĐẠI ĐƯỜNG TAM TẠNG THÁNH GIÁO

(Thái Tông Văn Hoàng Đế sáng tác, Tuệ Lâm soạn âm).

Nhị nghi 二儀 ngược lại âm 魚羈 ngư ky. Kinh Dịch phần Hệ Từ thiên thượng nói: Dịch có thái cực sanh lưỡng nghi. Cố Dã Vương cho rằng: Nhị nghi là thiên địa, pháp tượng. Mao Thi Truyện cho rằng: Nghi 儀 tức là chánh; Thuyết Văn nói gọi là Độ. Chữ viết từ bộ 人 nhân thanh 義 nghĩa. Lại Thuyết Văn nói giải chữ Nghĩa từ bộ 羊 dương đến bộ 我 ngã. Chữ ngã 我 từ bộ 扌 thủ đến bộ 戈 qua. Dưới từ chữ hòa là sai. Âm 羈 ky ngược lại là âm phiên thiết cư nghi 居宜.

Phú tải 覆載 ngược lại âm trên là phiên thiết phu vụ 敷務. Lại thấy trong Vận anh Tần âm 秦. Các Tự Thư âm là phiên thiết phu cứu 敷救, âm của Ngô, Sở. Giả Quỳ chú giải sách Quốc ngữ rằng: Phúc 覆 là che đậy, có bóng mát. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 西 tây thanh, phúc. Âm 西 ngược lại âm 牙賈 nha giả. Chữ viết từ bộ 冂 quynh, âm 冂 quynh. Trên là 覓 mịch dưới là 覆 phúc, chữ hội ý. Ngược lại âm dưới là 哉 愛 tai ái. Khổng An Quốc chú giải sách thượng thư rằng: 載

tải là thành. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Trời là không riêng tư nên che, đất cũng không có riêng tư nên chở. Thuyết Văn cho rằng: Phúc 覆 là chuyên chở, vận chuyển. Chữ viết từ bộ 車 xa, âm tai từ bộ 戈 thanh 才 tài. Trong kinh viết 載 隸 tải lệ, sách lược bớt. Chữ 才 là văn cổ chữ 才 tài chẳng phải bộ 水 thủy

Tiềm hàn thử 潛寒暑, ở trên phiên thiết là 漸閭 tiêm hãm. Quảng Nhã giải thích rằng: tiêm là chìm xuống nước, ẩn giấu. Sách Nhĩ Nhã giải thích rằng: Tiêm cũng là chìm dưới nước, sâu xa. Thuyết Văn cho rằng: lợi qua nước. Chữ viết từ bộ thủy 冰 thanh 潛 tiêm. Âm 潛 tiêm ngược lại âm 參 tham. Ngược lại âm 七敢 thất cảm. Cũng có chỗ

viết từ hai bộ 天 thiên. Hoặc là viết từ bộ 伏 phu đều là sai là viết lược. Dưới ngược lại âm là 罕 安 hãn an. Thương Hiệt giải thích rằng: là lạnh, Thuyết Văn nói là Đóng băng lại, chữ viết từ bộ miên đến bộ 人 nhân, đến bộ nhập dưới từ bộ (冰) băng. Âm mãng (莽) là âm 綿 miên. Âm mãng, là âm 莽 mãng, âm bằng, là âm 冰 băng. Chữ 莽 mang là văn cổ trên dưới hai bộ 草 thảo.

Khuy thiên (窺天) ngược lại âm 犬 現 khuyển hiện. Khảo Thanh cho rằng: Khuy là nhìn trộm. Vận Thiên Tập cho rằng: Khuy là nhìn thấy, Thuyết Văn cho là Nhìn lên. Chữ viết từ bộ 穴 huyệt thanh (規) quy, hoặc là viết (關) khuy âm, khuy ngược lại là âm 青 預 thanh dự.

Giám địa (鑑地) ngược lại âm 賈 陷 giả hãm. Quảng Nhã cho rằng: Giám là chiếu soi, sáng suốt, rõ ràng. Ngọc Thiên giả thích rằng: Giám là cái gương soi, Thuyết Văn cho là Bồn lớn, lấy nước trong để bồn dùng gương soi có các mặt trăng chiếu vào. Chữ viết từ bộ (金) Kim thanh lam, hoặc viết là 鑿 này cũng đồng nghĩa.

Khả trưng 可徵 ngược lại âm (陟 陵) trắc lãng. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Trưng là gọi đến, cũng gọi là chứng minh. Theo thanh loại cho rằng: Gọi đến trách phạt, cũng gọi là cầu, trưng cầu. Đỗ Dự chú giải trong Tả Truyện rằng: Khảo xét, xem xét, bằng chứng, chứng cứ. Thuyết Văn nói cho rằng là tượng trưng. Theo việc có tượng trưng có thể khảo xét gọi là (徵) Trưng. Chữ viết từ bộ 任 nhậm đến bộ 徵 trưng, thanh âm 任 nhậm ngược lại âm (體 郢) Thể đĩnh.

Khống tịch 控寂 Ngược lại âm trên là 苦 貢 khổ cống, Khảo Thanh giải thích rằng: Khống là giữ lại, Thuyết Văn cho là Khống là kéo ra, dẫn ra, cũng gọi là cáo trạng. Chữ viết từ bộ 手 Thủ thanh (空) không. Ngược lại âm dưới là (情 亦) tình diệc. Văn thường hay dùng và Thuyết Văn nói viết chữ 宋 Tống là chữ chánh thể.

Hào ly 毫釐. Ngược lại âm trên laø 胡 高 hồ cao. Âm dưới là 力 馳 lực trì. Theo Kinh Cửu Chương Toán giải thích rằng: Phàm là pháp độ qua khởi đầu là Nhẫn. Mười nhẫn là một sợi tơ, mười sợi tơ là một hào 毫, mười hào là một 釐 ly. Thuyết Văn giải thích rằng: Hai chữ 毫 釐 hào ly đều từ bộ 毛 Mao. Chữ hào từ 毫 hào từ 豪 hào thanh 省 tỉnh. Chữ 釐 ly từ chữ 釐 ly này thanh 省 tỉnh đều là chữ hình thanh. Nay viết 毫 釐 hào ly này là chẳng phải bốn chữ giả tá dùng.

Ngưng huyền 凝玄 Ngược lại âm (魚 競) ngư cạnh. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Ngưng là thành tựu. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Ngưng là đông cứng lại. Quảng Nhã cho rằng: Ngưng là dừng lại. Vận Anh cho rằng: Ngưng là bất động, không

động đậy. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 冰 băng, là nước đông cứng lại. Từ bộ 冫 băng thanh ghi 疑 nghi, âm 冫 là âm 冰 là nước.

Xuẩn Xuẩn 蠢蠢 Ngược lại âm 春尹 xuân doãn. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Xuẩn xuẩn là loài côn trùng sâu bọ ngo ngoậy, nhúc nhích. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Xuẩn là cửa quây ngo ngoậy giao động. Chữ viết từ hai bộ 虫 Trùng thanh 春 xuân, hoặc viết là 椿 xuân, hoặc viết là 蠢 xuân, cũng viết 脊 tích đều là chữ xưa. trùng là âm 昆 côn.

Dung bỉ 庸鄙 Ngược lại âm trên là 勇從 dũng tùng. Khảo Thanh cho rằng: Dung là ngu. Trịnh Chú chú giải sách Đại Kỷ Lễ Khổng Tử rằng: Cái gọi là dung 庸 là người mà cái miệng không có thiện đạo, nói rằng: lại không thể chọn lựa người hiền tài thiện sĩ mà gởi gắm tâm thân mình vào đó. Cho rằng: đã thắng từ một vật mà trôi chảy, không biết quay về, nên gọi người này là người ngu. Sách Sở Từ cũng cho rằng: Đó là người, thấp hèn. Thuyết Văn cho rằng: chữ viết từ bộ 庚 canh thanh 用 dụng, ngược lại âm dưới là 悲美 bi mỹ. Khảo Thanh cho rằng: 鄙 bỉ là người thấp hèn, là người ác, cũng là thuộc hạng người man dã, không có trí tuệ, cũng gọi là bỉ phu, tức là kẻ thất phu. Thuyết Văn cho rằng: Năm nhà là m một bĩ chữ viết từ bộ (邑) ấp thanh, bĩ âm bỉ. Âm 鄙 vân ngược lại âm (子) tử toàn. Gọi là một trăm nhà, cũng gọi năm trăm nhà là một bĩ 鄙.

Đông vực 東域 ngược lại âm 為逼 vi bức. Khảo Thanh cho rằng: Vực 域 là nước. Lưu Hy chú giải Mạnh Tử rằng: Là chỗ ở. Thuyết Văn chép gọi là nước, quốc gia. Chữ viết từ bộ 土 thổ thanh 或 hoặc.

Chung hàm 拯含, âm 拯 chửng là không có trùng điệp. Âm vận lấy chữ 蒸 thanh thượng. Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: Chửng là giúp đỡ. Vận Thuyên cho: là cứu giúp. Tiếng địa phương cho rằng: Bị chìm trong nước phải kéo nâng lên, đưa lên. Chữ chánh xưa nay chửng 拯 là đưa lên cao, viết từ bộ 手 thủ thanh 丞 chưng, âm Thăng là 升 thăng.

Phân củ 紛糾 ngược lại âm 拂文 phất vân. Quảng Nhã cho rằng: 紛 phân là lộn xộn, rối loạn. Sở Từ cho rằng: Phân là đông đúc nhốn nháo. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 糸 mịch thanh 分 phân. Ngược lại âm dưới là 經 酉 kinh dậu. Đỗ Dự chú giải Tả truyện rằng: Củ 糾 là nâng lên, nhắc lên. Thuyết Văn chữ viết từ bộ 糸 mịch thanh củ. Sách Lệ Thư Tỉnh viết âm 糾 củ, âm 糸 mịch là âm 覓 mịch.

Duyên thời 沿時 âm trên là 緣 duyên. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: duyên là thuận theo dòng nước chảy xuống gọi là 沿 duyên. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Duyên là men theo, lần

theo. Thuyết Văn cho là Duyên theo dòng nước mà chảy xuống. Chữ viết từ bộ thanh duyên chữ hình thanh.

Long thế 隆 替 Ngược lại âm 六 中 lục xung. Quách Phác chú giải sách Nhĩ Nhã rằng: Long 隆 là ở giữa nổi lên cao. Thuyết Văn cho là Nhiều đầy, dồi dào, thịnh vượng. Chữ viết từ bộ 阜 phụ chữ hình thanh. Âm dưới là 天 計 thiên kế. Văn thường hay dùng và sách Nhĩ Nhã cho

rằng: đối đãi nhau, Giả chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Thế là trừ bỏ. Thuyết Văn nói viết là 普 廢 phổ phế, nghĩa là bỏ đi, phế bỏ, đều viết lại hai bộ một bên dưới gọi là 替 thế, chữ hội ý. Nay viết chữ 替 thế này cũng là văn thường hay dùng.

Huyền Trang 玄 奘. Ngược lại âm 臙 浪 tạng lãng. Cũng gọi là giải thích âm thượng thanh. Phương Ngôn cho rằng: Trang là to lớn, có sức mạnh. Khảo Thanh cho rằng: Trang là có nhiều sức mạnh, mau mắn, nhanh nhẹn. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 大 đại thanh 妝 trang.

Cự năng 詎 能 Ngược lại âm 詎 禦 cự ngự. Vận Anh Tập chép: 詎 cự là thuộc nghi vấn từ. Trang Tử cho rằng: Cự 詎 là từ chưa khẳng định, hỏi, sao, vì sao Dưới là khẳng định, chữ chuyển chú.

Hồi xuất 迴 出 Ngược lại âm 螢 穎 huỳnh đĩnh, chữ thượng thanh. Văn cổ viết 回 hồi là chữ tượng hình, nghĩa là quốc ấp. Chữ viết từ bộ 阝 quynh. Thuyết Văn nói gọi là Ngoài ấp gọi là 郊 giao (cùng quanh ở một ấp). Ngoài giao gọi là dã 野 (hoang dã). Ngoài dã gọi là lâm 林. Ngoài lâm gọi là 囧 quynh. Âm 囧 quynh ngược lại âm 癸 quý đĩnh. Giống như ở vùng biên giới xa xôi. Chữ viết từ bộ 辵 xước. Nay văn thường hay dùng viết 向 hướng là sai.

Chích Thiên Cổ 隻 天古. Ngược lại âm 征 亦 chinh diệc. Theo văn Thuyết giải thích rằng: chích 隻 là một tám, một con, một cái. Trong sách Khuê uyển chu tụ đơn và các chữ trong giải thích rằng: Chơi đùa, bôn cợt với một con chim. Chữ viết từ bộ 隹 chung, chung là con chim. Từ bộ 又 xoa, xoa là cánh tay, tay nắm giữ một con chim là 隻 chích chữ tượng hình. Trong văn kinh viết từ bộ 又 hựu là sai.

Thê lự 棲 慮. Ngược lại âm 先 奚 tiên hề. Chữ thường hay dùng viết đúng là 棲 thê. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Thê là dừng lại nghỉ ngơi. Chữ viết từ bộ 木 mộc thanh 妻 thê, âm dưới là 呂 御 lữ ngự. Khảo Thanh cho rằng: dừng lại suy nghĩ. Thuyết Văn là chữ viết từ bộ 思 tư thanh 虍 hổ, âm 乎 hồ.

Khái thâm 慨 深. Ngược lại âm 康 愛 khang ái. Cố Dã Vương cho rằng: 慨 Khăng khái, chí không được toại nguyện, phẫn nộ, tức giận. Tráng sĩ, vì chí không được toại nguyện nên than thở, quá tức giận; hoặc

viết là 愼 khái. Thuyết Văn cho rằng: Chữ 深 thâm là từ bộ Thủy đến bộ huyệt, chữ viết lược.

Ngoa mậu 訛 謬 Ngược lại âm trên là 五戈 ngũ qua. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi truyện rằng: Ngoa là sai lầm, giả dối không chân thật. Ngược lại âm dưới là 眉救 mi cứu. Vận Anh Tập cho rằng: Mậu cũng là sai lầm. Vận Thuyên cho rằng: Dối trá, lừa gạt. Thuyết Văn nói viết từ bộ 言 Ngôn thanh 贅 mậu, âm mậu ngược lại âm 六 幼 lục ấu.

Điều tích 條析 Ngược lại âm trên là 亭姚 đình diêu. Quảng Nhã cho rằng: Điều là dạy bảo. Mao Thi Truyện cho rằng: Điều là khoa từng phần, từng phần, lớp có thứ lớp. Thuyết Văn gọi là cành cây nhỏ, chữ viết từ bộ 木 mộc thanh liêu. Ngược lại âm dưới là 皇 亦 hoàng diệc. Quảng Nhã cho rằng: Tích析 là phân ra, chẻ ra. Thuyết Văn cho rằng: Tích là chặt, đốn cây. Chữ viết từ bộ 木 đến bộ phiến, hoặc viết 析 Hai chữ tích đều là chữ cổ.

Kiều Tâm 翹心 Ngược lại âm 祗姚 kỳ diêu. Quảng Nhã cho rằng: Kiêu là vênh lên, đưa cao lên. Chí Đổ chú giải Tả truyện rằng: Tài năng vượt hơn người, cũng gọi là bay xa. Thuyết Văn chữ viết từ bộ 羽 vũ thanh 莠 nghiên.

Viễn mại 遠邁 Ngược lại âm 理拜 lý bái. Quảng Nhã cho rằng:邁 mại là đi xa. Chữ viết từ bộ 萬 vạn đến bộ 辵 xước âm xước, ngược lại âm 丑 略 sủu lược.

Bát yên hà 撥煙霞. Ngược lại âm trên là 莆莫 bồ mạc. Quảng Nhã cho rằng: Bác撥 là trừ bỏ. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Bát là lau chùi. Thuyết Văn rằng: Bát là trị nghĩa là sửa đổi. Chữ viết từ bộ 手 Thủ thanh 發 phát. Âm ngược lại là âm 宴賢 yên hiền. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là lửa cháy bốc khói lên. Chữ viết từ bộ thanh 湮 yên, hoặc viết là yên. Khảo Thanh cho rằng: Là nguyên khí tức là khói âm 湮 yên, dưới là 因 nhân. Ngược lại âm 夏 hạ da. Vận Anh Tập cho rằng: Hơi nóng của mặt trời bốc lên. Vương Dật chú giải Sở Từ rằng: Mặt trời bắt đầu mọc có những đám mây màu đỏ, màu vàng. Khảo Thanh cho rằng: Một ngày sắp hết có những ráng mây đỏ. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ vũ 雨 thanh 瑕 hà, hoặc là viết (瑕) này cũng đồng.

Niếp Sương 躡霜. Ngược lại âm 女輒 nữ triếp, theo tiếng địa phương cho rằng: Niếp là đi đi lên. Quảng Nhã cho rằng: Niếp là chân mang dép. Thuyết Văn cho rằng: Niếp là đạp lên. Chữ viết từ bộ 足 túc thanh 聶 nhiếp âm nhiếp đồng với âm trên.

Tiền tung 前蹤 Ngược lại âm trên là 俗前 tục tiền. Theo Thuyết

Thuyết Văn nói rằng: Tiên là trước. chữ đúng thể từ bộ 止 chỉ đến 舟 chu viết thành chữ 嵩 tung. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là không đi mà tiến vào, gọi là dừng lại phía trước, ở trên thuyền, khảo sát, ngăn cấm chữ viết cộng thêm bộ 冫 đao, bộ đao bộ thủy. Quảng Nhã cho rằng: Hai lần tìm kiếm là thâm sâu, hai lần nhẩn 仞 là 冫 đao âm 冫 đao ngược lại âm 古 外 cổ ngoại. Văn thường hay dùng viết từ bộ 刀 đao là chẳng đúng. Ngược lại âm dưới là 足庸 túc dung. Hoài Nam tử cho

rằng: Đi thì có người theo, đuổi theo chân. Sách Nhĩ Nhã cho: là dấu chân. Thuyết Văn cho rằng: là dấu của bánh xe. Chữ viết từ bộ 足 thanh 從 tung.

Tuần cầu 殉求 Ngược lại âm 筍 duẩn tôn. Trong Tả Truyện cho rằng: Hỏi thăm thân mật, gọi là 殉 tuần. Vận Thuyên Tập cho rằng: Tuần là xét hỏi các việc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tuần là tin cậy. Chữ chánh xưa viết từ bộ 言 ngôn thanh 旬 tuần.

San Phong 飧 風 Ngược lại âm 倉 sang 單 đơn. Văn thường hay dùng và Thuyết Văn cho rằng: San là nuốt vào, cũng gọi là ăn. Chữ chánh thì viết bộ san cho đến bộ 食 thực viết thành chữ 餐 san âm san ngược lại chữ san âm 殘 tàn.

Lộc Uyển 鹿苑. Ngược lại âm trên là 勒 木 lặc mộc. Ngược lại âm dưới là 怨 遠 oán viễn. Tây Vực ký chép: Tên vườn của nước Bà La-Ni-Tư, cũng gọi là vườn Lộc Dã, cũng gọi là Thí Lộc Lâm. Xưa dịch là nước Ba-la-nại. Tức là nơi mà Đức Như lai đầu tiên xoay bánh xe pháp.

Thứu phong 鷲 峯 Âm trên là 就 tựu, núi ở Tây quốc, núi này rất cao, chỗ chim Thứu ở, hoặc tên là núi Linh Thứu, hoặc gọi là Lãnh Thứu, đều là tên một núi, mà khác tên. Đức Như lai ở trong núi này mà xoay bánh xe pháp, có rất nhiều thánh tích ở trên cõi trời.

Thám trách 探 蹟 Ngược lại âm trên 他 含 tha hàm. Chữ thường hay dùng biến thể, văn cổ viết từ bộ huyết, lại viết thành chữ 琛 thám. Âm thám ngược lại âm 徒 感 đồ cảm. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thu rằng: Thám do xem lấy tin tức. Lại Thuyết Thuyết Văn nói rằng: Lấy tin tức từ xa. Chữ viết từ bộ thanh 探 thám. Ngược lại âm dưới là 柴 革 sai cách. Vận Thuyên Tập cho rằng: Là nơi sâu tối. Trong sách Khuê Oán Chu Tông cho rằng: Là huyền vi. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ 夷 di, âm di ngược lại là âm 夷 di. Chữ 責 trách viết đúng từ bộ 束 thúc, âm thúc kể đến viết 噴 sách.

Trì Sậu 馳 驟 Ngược lại âm trên là 直 隴 trực ly. Văn thường hay dùng vốn viết là 駝 đà, chữ hình thanh. Âm 坨 đà ngược lại là âm 夷 di.

Khảo Thanh cho rằng: Trì 馳 là chạy. Quảng Nhã cho rằng: chạy nhanh. Thuyết Văn cho là Ngựa phi nước đại, tức ngựa chạy nhanh. Chữ viết từ bộ 馬 mã thành 它 tha. Ngược lại âm dưới là 愁庾 sầu dữu. Giả Quỳnh chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Sậu 驟 là chạy nhanh. Quảng Nhã cho cũng là chạy nhanh. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là Ngựa đi nhanh. Chữ viết từ bộ thanh 褻 tụ.

Tam Khiếp 三篋 ngược lại âm 縑頰 kiêm giáp. Theo sách Lễ Ký cho rằng: 篋 khiếp là cái rương để đựng đồ vật. Khiếp cũng gọi là nhiều. trong kinh sách cho: là rương đựng đựng đồ đạc y phục. Chữ chánh xưa nay cho rằng: Là cái lờ bắt cá. Chữ viết từ bộ thanh 愜 khiếp. Theo Thuyết Thuyết Văn nói chữ khiếp từ bộ 方 phương thành 夾 giáp.

Ba đào 庖濤 Ngược lại âm 唐勞 đường lao. Hứa Thúc Trọng chú giải sách Hoài Nam Tử rằng: Thủy triều dâng cao. Còn chữ 濤 ào Thương Hiệt giải thích rằng: Là sóng lớn. Chữ chánh xưa nay viết từ bộ 冰 thủy đến chữ 壖 đảo thanh 省 tỉnh.

Viên Tự 爰自 Ngược lại âm 遠權 viễn quyền. Khảo Thanh cho rằng: 爰 viên là đối với. Theo sách Nhĩ Nhã và Mao Thi Truyện cho rằng: Viên là 為 vi, là , bèn là , rồi, thì. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là Viên là dẫn tới. Chữ viết từ bộ 員 viên thanh 于 vu. Âm 員 viên ngược lại âm 披表 phi biểu. T.313

Đông Thùy 東擘 Ngược lại âm 述危 thuật thúy. Vận Thuyên Tập cho rằng: Thùy 擘 là biên giới nguy hiểm. Quảng Nhã cho: là biên giới. Trên văn bia trong chùa Hoàng phước viết là thùy 華 là viết lược. Chữ viết từ bộ 阜 phụ thanh thùy.

Khuyết nhi 缺而 Ngược lại âm 犬悅 khuyển duyệt. Thiên Thương Hiệt giải thích rằng: Khuyết là hao tổn, giảm. Thuyết Văn cho là dụng cụ chứa bị bể. Chữ viết từ bộ Thùy 華 đến bộ 夬 quyết, hoặc là viết tự bộ 正 phủ viết thành chữ 缺 khuyết này cũng đồng nghĩa.

Đồng trần 同臻 Ngược lại âm 側巾 trắc cân. Văn chữ cổ viết là trần. chữ trong sách viết là 臻 trần. nghĩa là đến, đi. Thanh Tự và Thuyết Thuyết Văn nói rằng: Chữ viết từ bộ 至 chí thanh 秦 Tần.

Nghiệp trụy 業隕 Ngược lại âm trên là 嚴劫 nghiêm kiếp. Nhĩ Nhã cho rằng: Sự nghiệp. Theo sách Quốc Ngữ cho rằng: Thứ lớp to lớn. Thuyết Văn nói cho rằng chữ viết từ bộ 業 nghiệp đến bộ 巾 cân. Nay theo lệ viết từ bộ 木 mộc là chữ biến thể âm 業 nghiệp. Ngược lại âm 學 sư học. Ngược lại âm dưới 除類 trừ loại. Sách Nhĩ Nhã cho là rớt xuống, rơi xuống. Quảng Nhã cho rằng: Là mất đi. Theo Thuyết Thuyết Văn cho là Chữ viết từ bộ 隕 đồi là từ cao mà rớt xuống. Từ bộ 阜 phụ

thanh rơi xuống. hoặc viết từ bộ 石 Thạch, viết thành chữ đọa.

Quế sanh 桂生 Ngược lại âm 圭慧 khuê tuệ. Trong Sơn Hải kinh cho rằng: Thừa nhận đây là cây quế, phần nhiều mọc trên núi. Quách Phác cho rằng: Cây quế lá giống như cây tỳ-bà, dài hơn một thước, có mùi vị cay, hoa trắng, vốn là loại cỏ thuốc nên gọi là Quế. Có hai loại cây măng đều mọc ra giao nhau, ở chân núi Quảng Châu và Quế Lâm, ở Giang Nam. Thuyết Văn gọi là cây Mộc Hương, là một trong trăm thứ cỏ thuốc, sống rất lâu. Chữ viết từ bộ 木 mộc thanh 圭 khuê. Chữ 菌 khuẩn âm 郡 quận. Chữ 牡 mẩu là âm 母 mẫu.

Huyền kỳ 沚其 Ngược lại âm 玄絹 huyền quyên. Vận Thuyên Tập cho rằng: Những giọt sương đọng trên cỏ sáng lấp lánh. Khảo Thanh cho rằng: Vực sâu sóng nước lẫn lẫn. Thuyết Văn nói giải thích rằng: Nước chảy. Chữ viết từ bộ thanh 玄 huyền, lại cũng là âm 玄 huyền, chữ uyên 淵 lại âm 淵 uyên.

Hủy mộc 卉木 Ngược lại âm 暉貴 huy quý. Theo Thuyết Văn cho là Hủy là từ gọi chung các loại cỏ. Chữ viết từ bộ 艸 triệt đến bộ 草 thảo. Từ ba mươi năm này viết chữ hủy 𦵑 này là sai, âm triệt 艸 Ngược lại âm 丑列 sủu liệt.

Khuê Chương 珪璋 Ngược lại âm 桂畦 quế huê. Thuyết Văn nói cho rằng viên ngọc tốt quý giá, trên là tròn dưới là vuông. Các bậc Công, Hầu, Bá nắm giữ. Từ chữ 重土 trọng thổ, nghĩa là , lẽ được ân tuệ vua ban, phong đất đai cho các chư Hầu, có ba bậc: Công, Hầu và Bá. Đều có Trọng thổ. Cho nên giữ ngọc 珪 khuê. Còn Tử, Nam vì không có ban cho Trọng thổ nên không có giữ ngọc quế. (桂) quế là chữ cổ, ngược lại âm dưới là 止陽 chỉ dương. Nghĩa là chỉ bằng phân nửa viên ngọc. Khuê gọi là (璋) chương. Chữ viết từ bộ (玉) ngọc thanh 章 chương. Âm tuệ Ngược lại âm 慧圭 tuệ khuê.

Hàn mặc 翰墨 Ngược lại âm 寒岸 hàn ngạn. Sách Thượng Thư Đại Truyện cho rằng: Hàn 翰 là lông chim dài mà mịn, dùng là m bút, cho nên có thể gọi viết sách bằng cây bút lông. Theo Thuyết Thuyết Văn nói rằng: Lông con vịt trời. Chữ viết từ bộ 羽 vũ thanh 翰 hàn âm hàn. Ngược lại âm 干岸 can ngạn. Ngược lại âm dưới là 母北 mẫu bắc. Khảo Thanh cho rằng: Mặc 墨 là mực đen. Chữ viết từ bộ 土 thổ, thanh 黑 hắc.

Phiêu ngõa lịch 慄礫 Ngược lại âm trên là 必遙 tất diêu. Khảo Thanh loại cho rằng: Phiêu 慄 là người nêu lên, Thuyết Văn cho rằng: Là đánh gỗ. Chữ viết từ bộ 手 thủ thanh 漂 phiêu, hoặc là viết 影 phiêu này. Ngược lại âm dưới là 力的 lực đích. Khảo Thanh cho rằng: Lịch

礫 là đá vụn, cát sỏi. Thuyết Văn nói cho rằng chữ viết từ bộ 石 thạch thanh 樂省 lạc tỉnh.

Mậu thừa 謬丞 Ngược lại âm trên 時仍 thời nhưng. Thuyết Văn nói là Thọ nhận. Chữ viết từ bộ 手 thủ thanh 承 thừa.

Bao tán 褒讚 Ngược lại âm 補毛 bổ mao. Cố Dã Vương cho rằng: Chữ 褒 bao cũng giống như chữ 揚 dương, nghĩa là khen ngợi việc là m tốt đẹp của người. Thuyết Văn cho rằng: Vạt áo trước rộng, chữ viết từ bộ 衣 y thanh bao, âm bao là âm 祿 lưc. Ngược lại âm dưới là 藏散 tàng tán. Giải thích tên gọi là Khen ngợi việc tốt đẹp của người gọi là Tán. Chữ chánh xưa nay gọi là 讚 頌 tán tụng. Các gọi là giải thích vật lý. Chữ viết từ bộ thanh 贊 tán.

Tuần cung 循躬 Ngược lại âm trên là 勻 tùy quân. Nhĩ Nhã cho rằng: Tuần là thứ lớp. Khảo Thanh cho rằng: Tuần là thuật lại, là nói theo, thuận theo. Thuyết Văn cho là Tuần hành, là đi vòng quanh. Chữ viết từ bộ 辵 xích thanh 盾 thuẫn. Trong văn kinh viết (循) tuần là sai. Ngược lại âm dưới là 姜隆 khương long. Thuyết Văn cho rằng: Cung 躬 là thân khum xuống, khom lưng. Viết đúng chữ từ bộ 呂 lữ viết thành 鋤 lữ. Nay viết từ bộ 身 thân, thanh 弓 cung.

-Cao Tông Hoàng Đế tại Xuân cung thuật Tam Tạng Ký-tức là Đại Đế.

Sùng Xiển 崇闡 Ngược lại là âm (味隆) vị long. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: 崇 sùng là tựa. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Sùng là kính. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: sùng là tôn trọng. Thuyết Văn nói sùng là cao. Chữ viết từ bộ 山 sơn thanh 宗 tông, hoặc viết là bí 密. Ngược lại âm dưới là 昌演 xương diễn. Hàn Khang Bá chú giải sách Phồn Từ rằng: Xiển là , sáng sửa. Quảng Nhã cho rằng: Xiển là mở ra, theo Thanh loại: gọi là mở lớn ra. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 門 môn, thanh 單 đơn.

Quý trục 軌躅 Ngược lại âm trên là 居洧 cư hựu. Giả Quỳ chú giải sách Quốc Ngữ rằng: Quý 軌 là phép tắc. Quảng Nhã cho rằng: Là g tích xưa để lại. Thuyết Văn cho rằng từ bộ 車 轍 xa triệt. Từ bộ 車 xa đến bộ 宀 cứu thanh 省 tỉnh. Âm cứu 宀 ngược lại âm 鬼 quỷ. Ngược lại âm dưới là 重祿 trọng lộc. Hán Thư cho rằng: Âm nghĩa gọi là trục tức là dấu vết. Văn cho rằng: Trục là đi quanh quẩn, giẫm lên đạp lên. Chữ viết từ bộ 足 túc thanh 屬 thuộc, hoặc viết 躅 trục là lược.

Tổng quát 綜括 Ngược lại âm 宗宋 tông tống. Trong Quế Uyển Châu Tụ giải thích rằng: Bộ phận trên dẹt đủ, gộp lại giữa các sợi chỉ để không rối loạn nhau nên gọi là tổng. Thuyết Văn cho rằng: Máy dẹt

vãi lụa. Chữ viết từ bộ 糸 mịch thanh 宗 tông. Ngược lại âm dưới là 活 di hoạt. Hàn Khang Bá chú giải kinh Dịch rằng: 括 Quát là kết lại. Theo Hàn Thi Thúc và Khảo Thanh cho rằng: Gôm lại. Thuyết Văn cho rằng: Sạch thanh khiết. Chữ viết từ bộ thủ, thanh 舌 thiệt.

Hoàng viễn 宏遠 Ngược lại âm 獲 萌 hoạch manh. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hoàng là lớn. Trịnh Huyền chú giải sách Lễ Ký rằng: Hoàng là rộng lớn. Thuyết Văn cho là Nhà sâu rộng nên có tiếng vang. Chữ viết từ bộ miên âm 宏 hoàng là âm 國 弘 Quốc hoàng.

Bí quynh 祕 扃 Ngược lại âm 悲媚 bi mị. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện: Là thân bí. Quảng Nhã cho: là lao nhọc. Vận Anh Tập giải thích rằng: Là kín đáo, không lộ ra ngoài. Thuyết Văn nói cho rằng chữ viết từ bộ 示 thị thanh 必 tất, chữ 示 thị lại là âm 柿 thị. Ngược lại âm dưới là 榮 榮 quý vinh. Cố Dã Vương giải thích rằng: Thanh kiếm treo trên cánh cửa, chỗ dùng nói ngoài lấy đóng cánh cửa lại. Theo văn nói là đóng cửa ngoài lại. Chữ viết từ bộ 戶 hộ thanh 冂 quynh. Trong văn kinh viết từ bộ 向 hướng viết thành chữ 扃 quynh là sai.

Toại Cổ 遂古 Ngược lại âm tùy loại. Trịnh Tiễn chú giải Mao Thi Truyện rằng: Toại là lâu bền. Sách Quốc Ngữ ghi rằng: Toại là tin theo. Quảng Nhã cho rằng: Toại là đến. Thuyết Văn cho là Toại là mất, chữ hội ý. Từ bộ 辵 xước thanh toại, âm toại đồng với âm trên.

Bài không 排空 Ngược lại âm 敗埋 bại mai. Cố Dã Vương cho rằng: Bài 排 là chống cự. Quảng Nhã cho rằng: Bài là đẩy tới. Thuyết Văn cho là Chèn ép. Chữ viết từ bộ 手 thủ thanh 非 phi.

Kiểm Lê 黔黎. Ngược lại âm 獫廉 kiễm liêm. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: 黔首 Kiểm thủ là dân đen. Đời nhà Tần dùng từ này để chỉ cho dân chúng. Sách Sử Ký ghi rằng: Tần Thủy Hoàng trong hai mươi sáu năm cai trị, lại đổi tên muôn dân là Kiểm Thủ. Thuyết Văn nói chữ viết từ bộ 黑 hắc thanh 今 kim. Ngược lại âm dưới là 禮 提 lễ đề. Không an quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Lê 黎 là dân chúng.

Liễm nhậm 斂任. Ngược lại âm trên là 廉檢 liêm kiễm. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Liễm tụ 斂 褻 là thu góp. Khảo Thanh cho rằng: Sao chép. Thuyết Văn cho là góp nhặt, gom góp lại. Chữ viết từ bộ 文 thanh liêm. Ngược lại âm dưới là 任 枕 nhậm chằm. Thuyết Văn cho là Vuốt áo sửa áo. Chữ viết từ bộ 衣 y thanh 任 nhậm.

Côn trùng 昆蟲 Ngược lại âm trên là 古 魂 cổ hồn. Chữ giã tá. Chữ chánh thể viết là 虫 虫. Theo Thanh loại lại viết 琨 côn. Trịnh Tiễn chú giải sách Lễ Ký rằng: Gọi Côn Minh, là thủ phủ của tỉnh Vân

Nam, Trung Quốc. Cũng gọi là 明虫 Minh Trùng, đó là dương mà sinh ra âm, thanh sa tạng phủ. Trong mùa hè sinh ra các côn trùng nhỏ, gọi là tiểu trùng. Thuyết Văn cho rằng là tên chung của côn trùng. Chữ viết từ hai bộ 虫 trùng. Ngược lại âm dưới là 逐融 trực dung. Sách Nhĩ Nhã ghi rằng: Có chân gọi là trùng 蟲, không chân gọi là 豸 trĩ, là loại côn trùng không có chân. Thuyết Văn nói chữ viết từ ba bộ 虫 trùng. Văn chữ thường hay dùng viết 虫 trùng, 豸 trĩ, âm 持 trì 里 lý.

A Nậu Đạt 阿耨達. Ngược lại âm 奴祿 nô lộc, tiếng Phạm đúng gọi là A-Na-Bà-Đạt-Đa 阿那婆達多. Đời Đường dịch là Ao Vô nhiệt nã. Ao này ở Ngũ Ấn-độ phía Bắc có núi tuyết lớn, Nam có núi Bắc Hương, ở giữa hai núi chính có ao tên là Long Trì. Xét thấy trong kinh Khởi Thế Nhân Bản và Luận Lập Thế A-Tỳ-Đàm đều nói là Núi Tuyết lớn ở phía Bắc có ao lớn này, rộng mỗi bề năm mươi du-thiện-na, vuông một ngàn năm trăm dặm, bốn bên mặt ao chảy ra bốn con sông lớn, đều chảy quanh ao một vòng, rồi chảy ra bốn biển Đông. Trên mặt ao chảy ra gọi là bốn dòng lớn, tức là sông Tư-đa, xưa dịch tên là Tư-đà Hà, tức sông Tư-đà. Ở mặt phía Nam gọi là sông Căng-già, tức sông Căng-già, xưa gọi là sông Hằng. Bên mặt phía Tây đó xuất ra gọi là sông Tín-Độ, xưa gọi là sông Tân-Đầu. Phía Bắc chảy ra gọi là sông Phược-Sô, xưa dịch là sông Bác-Xoa. Hán dịch là sông Quốc Hoàng. Tức là mặt phía Đông gọi là sông Tư-đa, cuối con sông Tư-đa này tiếng địa phương gọi là Vô Nhiệt Nã, tức là không nóng bức. Đây là tên gọi phúc đức của Long Vương. Tất cả loài Rồng đều chịu các khổ nóng bức, mà Long Vương ở trong ao này đều không chịu các khổ nóng bức trên, do đó mà gọi tên.

Thần điền 神甸. Ngược lại âm 亭現 đình hiện. Trịnh Huyền chú giải sách Chu Lễ rằng: Chữ 甸 điền cũng giống như chữ 田 điền này, tức là ruộng. Nghĩa là ruộng của vua Phục trị. Khổng An Quốc chú giải sách Thượng Thư rằng: Quy định vuông là một ngàn dặm, bên trong gọi là 甸 điền, Vua Phục mới dùng bốn mặt thành, mỗi bên là năm trăm dặm. Nay gọi là 畿 Kỳ, tức là đất của nhà vua cai trị. Âm 畿 kỳ là âm 祈 kỳ.

Kỳ-xà-quật sơn 耆闍崛山. Âm trên là 祇 kỳ, âm dưới 達律 đạt luật. Chánh âm tiếng âm Phạm là Hột ly 紇哩 (nhị hợp). Đà-La 馱囉 (nhị hợp). Gọi là Khuất Tóa. Đời Đường dịch là núi Thức Phong. Tức là văn trước đã nói xong rồi.

Tung Hoa 嵩華. Ngược lại âm trên là 相融 tương dung. Ngược lại âm dưới là 獲罵 hoạch mạ. Tức là núi này cao mà to lớn, cùng với núi

Thái Hoa, hai núi. Chữ 華 Hoa chánh thể viết từ bộ 山 Sơn đến bộ 華 Hoa. chữ giã tá, hay dùng.

Khẩn Thành 懇誠. Ngược lại âm trên là 康良 khang lương. Quảng Nhã cho rằng: Khẩn là tin thành thật. Theo sách Tập Huấn cho là tốt là nh. Chữ viết từ bộ 心 tâm thanh 懇 khẩn. Âm khẩn đồng với âm trên.

Điều sấn 齠齠. Ngược lại âm trên là 亭遙 đình diêu. Văn thường hay dùng và chữ chánh thể viết từ bộ 髟 tiêu, viết thành chữ 髟 Thiêu.

Bì Thương giải thích rằng: Thiêu là tóc dài. Khảo Thanh cho rằng: Đứa trẻ cắt tóc còn để lại hai bên mảng tóc gọi là Thiêu. Nghĩa là trẻ em để hai mảng tóc hai bên đầu (tóc trái đào). Chữ viết từ bộ 髟 tiêu thanh 召 triệu. Trái với âm dưới là 初 櫛 sơ sấn. Thuyết Văn nói giải thích rằng: 齠 Sấn là hủy bỏ cái răng. Đứa bé trai tám tháng mọc răng đến tám tuổi bỏ răng gọi là thay răng, gọi là sấn 齠. Bé gái bảy tháng mọc răng đến bảy tuổi thay răng, gọi là hiệt. chữ viết từ bộ 齒 xỉ thanh chủy. Trong văn kinh viết từ bộ 乙 ất là sai. Âm 髟 mao là âm 毛 mao. Âm 髟 tiêu là âm 必 姚 tất diêu. Âm 荆 thế ngược lại âm 天 計 Thiên kế.

Ca-duy 迦維 là Tiếng Phạm. Xưa dịch sai, lược. Chánh âm Phạm là 劫毘羅伐率 赭 kiếp-tỳ-la Phật-tốt-đổ. Là nơi Phật Đản sanh.

Cửu thực 久植. Ngược lại âm 時力 thời lực. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Thực là lâu dài. Thiên Thương Hiệt cho: Thực là nghĩ ngơi. Khảo Thanh cho rằng: Dựng, cắm xuống. Chữ viết từ bộ 木 mộc thanh 植 thực.

Túc nhạc 足岳. Ngược lại âm trên là 將俗 tương tục. Văn thường hay dùng và chữ chánh viết từ bộ 口 Khẩu đến bộ 止, Chỉ viết là 足 túc. Đỗ Dự chú giải Tả Truyện rằng: Túc 足 là thành. Vận Anh Tập

giải thích rằng: Tăng trưởng và lợi ích, cũng là chữ giã tá. Ngược lại âm dưới là 五角 ngũ giác. Quảng Nhã cho rằng: Núi Nhạc rất cao. Bạch Hổ Thông cho rằng: Giác đồng với công đức, hoặc viết là nhạc 鸞 trong

kinh viết 岳 nhạc chữ cổ. Âm 桷 giác ngược lại âm 苦 桷 khổ giác.
